

Bản án số: 21/2024/ DS-ST

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn Kiệt

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Số C, C, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1970 và bà **Quách Thị D**, sinh năm 1974; địa chỉ: **Số C (số cũ 207/6), Khóm K, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

(Bà **T** và ông **C** và bà **D** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà **Lê Thị T** trình bày:

Vào khoảng năm 2011 bà **T** bán thức ăn nuôi tôm cho ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị Diễm**. Hai bên thỏa thuận bà **T** bán thiếu cho ông **C**, bà **D** và ghi sổ nợ lại, đến cuối vụ thu hoạch tôm bán xong thì thanh toán. Như vậy, mỗi năm ông **C**, bà **D** đều còn nợ lại bà **T** một số tiền, bà **T** có ghi sổ lại để đối chiếu. Đến đầu năm 2015 hai bên chốt nợ, lúc này ông **C**, bà **D** còn nợ bà **T** số tiền 38.137.000 đồng, ông **C** ký xác nhận cho bà **T**. Sau khi chốt nợ ông **C**, bà **D** tiếp tục mua thiếu số tiền 5.701.000 đồng, và ngưng không mua nữa. Kể từ ngày 25/6/2015, ông **C** và bà **D** không còn mua thức ăn của bà **T** nữa, cũng không trả tiền nợ. Tính đến ngày 25/6/2015 ông **C**, bà **D** nợ

bà **T** tổng cộng là 38.137.000 đồng + 5.701.000 đồng = 43.838.000 đồng. Nay bà **T** yêu cầu ông **C**, bà **D** trả số tiền thức ăn còn nợ này và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông **C** và bà **D** không đến tòa án tham gia tố tụng cũng như gửi văn bản ý kiến phản hồi nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn đã chấp hành và xin vắng mặt theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có mặt khi triệu tập tham gia phiên tòa là chưa chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bị đơn ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** không đến Tòa án làm việc, ông **C** và bà **D** biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị T**, buộc ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** có trách nhiệm trả cho bà **Lê Thị T** số tiền nợ là 43.838.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà **Lê Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** trả nợ mua thức ăn nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **C** và bà **D** có nơi cư trú hiện tại ở **thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Bà **Lê Thị T** xác định giao dịch mua bán với ông **C**, bà **D** thực hiện từ năm 2011. Từ năm 2015 ông **C**, bà **D** đã không trả tiền cho bà. Vậy tính đến ngày khởi kiện đã quá thời hiệu khởi kiện, tuy nhiên các đương sự đã thừa nhận và không ai đặt ra yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi xét xử sơ thẩm nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị T**: Bà **T** xác định ông **C**, bà **D** có mua thức ăn nuôi tôm của bà từ năm 2011, hai bên chốt nợ vào năm 2015 số tiền

38.137.000 đồng, sau đó mua nợ thêm số tiền 5.701.000 đồng. Tính đến ngày 25/6/2015 ông **C**, bà **D** nợ bà **T** tổng cộng là 43.838.000 đồng.

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải đến khi xét xử nhưng đều vắng mặt và không rõ lý do, nên không có ý kiến của ông **C** và bà **D** đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Tại biên bản ngày 21/3/2024 ghi nhận “ ông **C**, bà **D** xác định đã biết được việc bà **T** yêu cầu khởi kiện đòi tiền thức ăn nuôi tôm còn thiếu nhưng do bà **T** ngưng bán cho ông **C** nữa chứng nên bà **T** là người sai và không đồng ý làm việc về nội dung khởi kiện của bà **T**”. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà **Lê Thị T** với ông **Trần Văn C**, bà **Quách Thị D** là có phát sinh giao dịch mua bán tài sản là thức ăn nuôi tôm, nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản để giải quyết vụ án.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối cũng như không có các văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, có căn cứ xác định ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** có mua và còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm của bà **T**. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 của Bộ Luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà **T**, buộc ông **C** và bà **D** có nghĩa vụ trả cho bà **T** số tiền nợ mua thức ăn là 43.838.000 đồng.

[5] Về tiền lãi do đương sự không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 43.838.000 đồng x 5% = 2.191.900 đồng, ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà **Lê Thị T** được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí. Bà **T** đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị T.**

2/. Buộc ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** có trách nhiệm hoàn trả cho bà **Lê Thị T** số tiền nợ mua thức ăn tôm là 43.838.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Trần Văn C** và bà **Quách Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.191.900 đồng đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi một ngàn chín trăm đồng*) và nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bà **Lê Thị T** không phải nộp án phí, đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

4/. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ

Phạm Thị C1